

**BÁO CÁO**  
**SƠ KẾT HỌC KỲ I, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM HỌC KỲ II**  
**NĂM HỌC 2022 - 2023**

Căn cứ Quyết định số 2865/QĐ-UBND ngày 12/8/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành khung kế hoạch thời gian năm học đối với Giáo dục mầm non, Giáo dục phổ thông và Giáo dục thường xuyên trên địa bàn thành phố Hà Nội năm học 2022-2023;

Thực hiện công văn hướng dẫn số: 2598/SGDDĐT-GDPT ngày 31/8/2022 của Sở GDĐT Hà Nội về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ Giáo dục Tiểu học năm học 2022- 2023; Công văn số 805/KH-PGDĐT ngày 5/9/2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Thanh Oai về Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2022 – 2023 cấp Tiểu học.

Thực hiện Kế hoạch số 182/KH-THLC ngày 06/9/2022 của trường Tiểu học Liên Châu về kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2022 – 2023.

Trường Tiểu học Liên Châu báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học kỳ I năm học 2022 - 2023 như sau:

**A. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH.**

**1. Quy mô trường lớp và học sinh**

- Tổng số lớp: 20 lớp
- Tổng số học sinh: 687 (giảm 30 học sinh so với năm học trước)
- Tỷ lệ học sinh được học 2 buổi/ngày: 100%
- Sĩ số trung bình: 34,4 học sinh/lớp.

**2. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên**

- Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên: 37 người.
- Trình độ đào tạo:
  - + Đại học: 23 (BGH: 2; GV: 18; NV: 3) = 62%.
  - + Cao đẳng: 9 (GV: 9)
  - + TC: 3 (GV: 1 GV; NV: 2)
  - + THPT: 2 (NV)
- Tỷ lệ giáo viên/lớp trung bình: 1,4

**\* Thuận lợi:**

Có hệ thống văn bản hướng dẫn của Bộ, của Sở, PGD về chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ năm học kịp thời.

CSVC, thiết bị được đầu tư đáp ứng tối thiểu việc dạy và học và các hoạt động giáo dục.

**\* Khó khăn:**

Cơ sở vật chất tuy đã được tăng cường nhưng so với tiêu chí chuẩn Quốc gia vẫn còn hạn chế, khu B cơ sở vật chất đã xuống cấp đang chờ dự án xây dựng mới và cải tạo.

Nhiều CMHS đi làm ăn xa chưa thật sự quan tâm phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong việc giáo dục học sinh. Kinh tế địa phương còn khó khăn, nhận thức của một số PHHS về việc tham gia BHYT còn hạn chế nên việc vận động HS tham gia bảo hiểm y tế còn chậm và thiếu.

Nhà trường còn thiếu 5 giáo viên cơ bản và 1 giáo viên Tổng phụ trách Đội.

**B. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ HỌC KỲ I NĂM HỌC 2022 - 2023**

**1. Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông**

Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1,2,3 theo thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ban hành chương trình giáo dục phổ thông; đánh giá học sinh lớp 1,2,3 theo thông tư 27/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020; chương trình hiện hành đối với lớp 4,5, đánh giá học sinh lớp 4,5 theo thông tư 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/9/2014 và Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016.

**1.1. Lựa chọn sách giáo khoa lớp 3:** Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, sách MT: Chân trời sáng tạo; BGH và GV tham gia đầy đủ các buổi tập huấn sách giáo khoa theo quy định.

**1.2. Tổ chức dạy Tiếng Anh – Tin học:**

Tiếp tục triển khai Chương trình môn Tiếng Anh tự chọn lớp 1, lớp 2 ( 2 tiết/tuần)

Tổ chức dạy học môn Tiếng Anh bắt buộc cho học sinh lớp 3 (4 tiết/tuần); Tin học bắt buộc đối với lớp 3 ( 1 tiết/ tuần)

Dạy Tiếng Anh liên kết đối với lớp 3,4,5 có yếu tố nước ngoài (1 tiết/tuần); Đẩy mạnh thực hành Tiếng Anh qua các hoạt động như đọc truyện song ngữ trên thư viện, tổ chức 1 hoạt động trải nghiệm, giao lưu với giáo viên người nước ngoài tại sân trường vào Tết Trung thu.

**2.3. Tổ chức dạy học nội dung giáo dục địa phương**

Triển khai thực hiện Tài liệu giáo dục địa phương đối với lớp 1 ( dạy vào tiết Hoạt động trải nghiệm).

**2.4. Thực hiện giáo dục đối với trẻ khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn:**

Bảo đảm các điều kiện để 5 học sinh khuyết tật ( 2B: 1; 4C: 2; 5C: 1; 5E: 1) được tiếp cận với giáo dục, tăng cường giáo dục hòa nhập; tăng cường tuyên truyền trong đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên về vấn đề giáo dục hòa nhập, trong đó học sinh học hòa nhập được học tập và đánh giá theo kế hoạch giáo dục cá nhân; tùy theo dạng tật, mức độ khuyết tật mà học sinh được miễn một phần, một số nội dung, một số môn học với mục tiêu giúp học sinh khuyết tật được tương tác cùng bạn bè, các em hòa nhập và yêu cuộc sống.

**2.5. Tổ chức các hoạt động tập thể, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm đáp ứng nhu cầu đổi mới giáo dục phổ thông theo hướng**

### ***tiếp cận năng lực học sinh.***

Tăng cường tổ chức các hoạt động tập thể, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động ngoại khoá; tập trung vào các hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống, kỹ năng tự bảo vệ bản thân tránh bị xâm hại, bạo lực; giáo dục bảo vệ môi trường....

Tiếp tục giảng dạy Bộ tài liệu Giáo dục nếp sống thanh lịch - văn minh cho học sinh ( dạy vào tiết HĐTN, 1 tiết/tuần). Tăng cường công tác truyền truyền phổ biến giáo dục pháp luật trong trường học. Thực hiện Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 5/4/2022 của Chính phủ về tăng cường bảo đảm trật tự an toàn giao thông và chống ùn tắc giao thông giai đoạn 2022-2025, đưa nội dung giáo dục pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông và văn hóa giao thông vào chương trình chính khóa dưới hình thức tích hợp vào nội dung một số môn học và hoạt động giáo dục.

### **2. Tăng cường cơ sở vật chất đáp ứng thực hiện chương trình giáo dục phổ thông đối với cấp tiểu học.**

Đã hoàn thiện quy trình thanh lý nhà lớp học 1 tầng 4 phòng khu A để lấy mặt bằng xây dựng dự án mới ; đã nhận thiết bị lớp 2 do huyện cấp.

Đã đầu tư thiết bị máy tính cho phòng Tin học với 18 bộ bằng nguồn xã hội hóa từ các mạnh thường quân, nhà hảo tâm trị giá 70 triệu 850 ngàn đồng.

### **3. Chăm lo xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ:**

#### **3.1. Chuyên môn:**

Giáo viên dự đầy đủ các chuyên đề chuyên môn cấp huyện, cấp thành phố. Triển khai 26 chuyên đề cấp trường, trong đó 10 chuyên đề lớp 3 theo chương trình giáo dục phổ thông mới. Tổ chức hội giảng, rút kinh nghiệm với 21/23 giờ dạy Tốt, 2/23 giờ dạy khá; 24/29 hồ sơ tốt, 5/29 hồ sơ khá. Kiểm tra toàn diện 8 giáo viên, kết quả 6/8 giáo viên xếp loại tốt, 2/8 giáo viên xếp loại khá. Giáo viên dự giờ đồng nghiệp ít nhất 3 tiết/ tháng.

#### **4. Chú trọng đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học**

Cán bộ quản lý quan tâm đến đổi mới công tác quản trị trường học như trao quyền cho các tổ trưởng, khối trưởng trong công tác quản lý chuyên môn, kiểm tra nội bộ; trao quyền cho phó hiệu trưởng trong công tác phụ trách từng mảng việc. Tuy nhiên việc phát huy quyền được trao của các thành viên chưa đạt hiệu quả cao.

### **5. Tăng cường nề nếp, kỷ cương, nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động giáo dục trong nhà trường:**

Tổ chức hội nghị viên chức thông qua các tiêu chí thi đua, nội quy, quy chế cơ quan, các quy tắc ứng xử của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Căn cứ các quy định của nhà trường để theo dõi, đôn đốc cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh thực hiện. Cuối tháng căn cứ việc thực hiện tốt và chưa tốt các quy định để bình xét thi đua cán bộ, giáo viên, nhân viên qua đánh giá viên chức hàng tháng. Đối với học sinh, đội sao đỏ chấm điểm hàng ngày, cuối tuần tổng hợp, biểu dương lớp làm tốt, nhắc nhở lớp làm chưa tốt.

### **6. Chỉ đạo tổ chức thực hiện dạy- học 2 buổi/ngày và các hoạt động khác theo nhu cầu của học sinh.**

*Tổ chức thực hiện kế hoạch dạy học 2 buổi/ngày: 100% học sinh học 2*

buổi/ ngày. Không tổ chức dạy học quá 7 tiết văn hóa/ngày đảm bảo phân bổ hợp lý giữa các nội dung giáo dục, giúp học sinh hoàn thành nhiệm vụ học tập, yêu cầu cần đạt của chương trình; tạo điều kiện cho học sinh được học tập các môn học tự chọn và tham gia các hoạt động giáo dục nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện ở tiểu học, phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi học sinh tiểu học.

*Tổ chức bán trú:* Nội dung, hình thức phù hợp điều kiện thực tế, trên cơ sở thống nhất, tự nguyện của học sinh, cha mẹ học sinh và theo các quy định, hướng dẫn của cơ quan quản lý; các hoạt động bán trú được tổ chức trong khoảng thời gian từ sau giờ học buổi sáng đến trước khi bắt đầu giờ học buổi chiều, thông qua hoạt động bán trú góp phần rèn luyện học sinh về kỹ năng sống, đạo đức, tính kỷ luật, tự phục vụ, trách nhiệm, chia sẻ, yêu thương. Việc tổ chức hoạt động bán trú linh hoạt, bao gồm các hoạt động: tổ chức ăn trưa, ngủ trưa, vui chơi, giải trí... cho học sinh bảo đảm an toàn, vệ sinh thực phẩm, bảo đảm dinh dưỡng, sức khỏe cho học sinh với số lượng cuối kì 1 là 102 học sinh đăng kí bán trú.

*Các hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày:* Căn cứ vào nhu cầu, sở thích của học sinh các nhà trường tổ chức hoạt động trong khoảng thời gian từ sau giờ học chính thức cho đến thời điểm được cha mẹ học sinh đón về nhà; tổ chức các hoạt động dưới hình thức sinh hoạt câu lạc bộ hoặc sử dụng cơ sở vật chất của nhà trường (thư viện, sân chơi, bãi tập, nhà đa năng...), tạo điều kiện để học sinh vui chơi, giải trí đã được Phòng Giáo dục Thanh Oai phê duyệt.

## **7. Tổ chức các cuộc thi**

### **7.1. Giáo viên: Các cuộc thi cấp huyện**

- Thi khiêu vũ đạt 2 giải nhì: Cô Thanh, thầy Miên
- Thi kéo co: Đạt giải ba: Cô Loan 1c, thầy Miên, thầy Duy, thầy Tuấn.
- Thi bóng bàn: đạt giải nhì: Thầy Sang
- Thi giáo viên dạy giỏi cấp huyện: Đạt 2 giải nhì: Cô Huệ, cô Loan 1c.
- Thi ảnh công đoàn: Cô Hương, cô Huệ đạt giải nhất.
- Thầy Lê Văn Nghĩa được khen thưởng Người tốt việc tốt cấp thành phố.
- Chi đoàn: Đạt giải ba: Tuyên truyền ứng xử trên môi trường mạng

### **7.2. Học sinh: Các cuộc thi cấp huyện**

- Thi Giai điệu tuổi hồng: Đạt giải nhì
- Thi khiêu vũ đôi và tập thể: Không đạt giải
- Thi Aerobic: Đạt giải ba
- Thi Vì học sinh Thanh Oai giỏi Tiếng Anh: 137 em thi cấp trường, 49 em vào vòng cấp huyện: 25 em đạt giải cấp huyện.
- Thi đấu trường toán học cấp trường: Kết quả: 105/385 em dự thi vào vòng trong, khối 1: 27/88; K2: 24/77; K3: 21/74; K4: 9/69; K5: 24/77.
- Thi chữ viết đẹp cấp trường, có 87/92 học sinh đăng kí tham gia thi. Kết quả: 12 giải nhất ( K1:4; K2: 4; K3: 4); 15 giải nhì ( K1: 7; K2: 5; K3: 3); 17 giải ba ( K1: 7; K2: 6; K3: 4); 21 giải khuyến khích (K1: 7; K2: 7; K3: 7). Tổng: 65/87 học sinh đạt giải.

**8. Duy trì, củng cố kết quả phổ cập giáo dục; đảm bảo hiệu quả kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 vào năm 2025:**

*a. Duy trì, củng cố kết quả phổ cập giáo dục tiểu học*

Huy động 100% trẻ 6 tuổi ra lớp 1, 125/125 em.

*b. Đảm bảo hiệu quả công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia*

Xây dựng kế hoạch, ra quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá, thu thập minh chứng, tích cực tham mưu đề cấp trên xây dựng cơ sở vật chất, đầu tư thiết bị để chuẩn bị cho năm 2023 đăng kí chuẩn Quốc gia mức độ 2 theo Nghị quyết của Đảng ủy xã Liên Châu.

**9. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số**

Thực hiện báo cáo, cập nhật thông tin trên cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, đào tạo và trên phần mềm phổ cập giáo dục, xoá mù chữ đúng tiến độ quy định. Khai thác sử dụng hiệu quả cơ sở dữ liệu ngành phục vụ công tác điều hành, quản lý. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý kế hoạch giáo dục nhà trường, đội ngũ cán bộ, giáo viên, học sinh.

Tổng số máy tính hiện có:

- Dành cho học sinh: 18; dành cho công tác quản lý hành chính: 10, thư viện: 1. Tổng: 29 máy.

**10. Thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra; công tác thi đua, khen thưởng**

Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra nội bộ và xử lý vi phạm nhằm xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, ngăn ngừa và xử lý nghiêm các hành vi sai phạm trong lĩnh vực giáo dục. Đã kiểm tra toàn diện 8 giáo viên, xếp loại tốt: 6/8; khá: 2/8; kiểm tra đầy đủ các chuyên đề theo kế hoạch kiểm tra nội bộ.

Thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên theo quy định tại Thông tư số 22/2018/TT-BGDĐT ngày 28/8/2018 của Bộ GDĐT. Các tập thể, các nhân tham gia đầy đủ, có chất lượng các phong trào thi đua do nhà trường, các cấp, các ngành phát động. Xây dựng tiêu chí thi đua, tổ chức bình xét thi đua đảm bảo khách quan, minh bạch gắn với hiệu quả công tác tạo nên phong trào thi đua sôi nổi trong toàn trường.

Đánh giá viên chức trước ngày 25 hàng tháng. Kết quả, mỗi tháng từ 6 đến 7 người hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 1 đến 2 người hoàn thành nhiệm vụ, còn lại hoàn thành tốt nhiệm vụ.

**11. Đẩy mạnh công tác truyền thông**

Chủ động xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch truyền thông về đổi mới chương trình giáo dục phổ thông 2018 thông qua các cuộc họp, đăng bài trên Website, qua trang EnetViet...

Khuyến khích cán bộ, giáo viên, nhân viên viết bài và đưa tin về các hoạt động của trường việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018, gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến của nhà trường...

**12. Thư viện trường học:**

Phát hành đầy đủ các loại sách vở, thiết bị dạy - học, ấn phẩm phục vụ giảng dạy và học tập đến 100% giáo viên và học sinh phục vụ năm học mới.

### 13. Thiết bị dạy học:

Quản lý thiết bị dạy học lớp 1,2,3 đồng thời quản lý tốt việc sử dụng và bảo quản đồ dùng dạy học. Tiếp tục rà soát thiết bị dạy học các khối lớp học để có kế hoạch sửa chữa và bổ sung kịp thời theo danh mục thiết bị dạy học tối thiểu đặc biệt đối với lớp 4 để có kế hoạch đề xuất mua sắm thiết bị mới cho chương trình thay sách lớp 4 năm học 2023-2024.

### 14. Công tác đội

Giáo viên tổng phụ trách đội thực hiện tốt các chương trình công tác theo hướng dẫn của hội đồng đội huyện, tổ chức hoạt động đền đáp nghĩa, chăm sóc, viếng nghĩa trang liệt sĩ 1 lần vào dịp 22/12, thăm và tặng quà 2 gia đình liệt sĩ, tuyên truyền giáo dục học sinh, tham gia các cuộc thi do hội đồng đội phát động, tổ chức các phong trào trong nhà trường.

### 15. Công tác y tế:

683/688 học sinh tham gia BHYT đạt 99,3%, còn 5 em chưa tham gia (1D: 1; 2D ( 2); 5E ( 3). Học sinh tiếp tục tiêm vắc xin phòng Covid 19; tuyên truyền phòng dịch bệnh.

### 16. Tuyên truyền Giáo dục pháp luật, phòng chống tai nạn thương tích:

Xây dựng kế hoạch, đưa nội dung giáo dục pháp luật dạy tích hợp trong các tiết học chính khóa và ngoại khóa.

### 17. Xây dựng trường học thân thiện và các cuộc vận động:

Phân công mỗi lớp phụ trách một công trình măng non chăm sóc cây xanh, tưới, nhổ cỏ hàng ngày được làm thường xuyên giúp cho cây cối xanh tốt.

Đưa các nội dung giáo dục văn hóa truyền thống, tuyên truyền giáo dục về lịch sử địa phương, đặc biệt truyền thống của Thủ đô ngàn năm văn hiến; tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, tổ chức các trò chơi dân gian, hoạt động tập thể, giáo dục ngoài giờ lên lớp. Tiếp tục thực hiện giảng dạy bộ tài liệu “Giáo dục nếp sống Thanh lịch - Văn minh cho học sinh Hà Nội”.

Tích cực tham gia các cuộc vận động: Quỹ xã hội năm 2022; tổng: 21 triệu 224 ngàn đồng ( 700 000 đồng; Vì người nghèo: 6 680 000 đồng; Quỹ nhân đạo: 6 584 000 đồng; Quỹ đền ơn đáp nghĩa: 6 000 000 đồng; Quỹ phòng chống thiên tai: 1 260 000 đồng).

## 18. SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ GIÁO DỤC HỌC SINH:

### 18.1. Phát triển số lượng:

Khối	Số lớp	TS	Nữ	HS học 2 buổi/ngày		HS ăn bán trú		Học sinh khuyết tật	
				Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Tổng	Có hồ sơ
1	4	120	49	4	120	4	38	0	0
2	4	135	59	4	135	4	39	1	1
3	4	139	69	4	139	4	27	0	0
4	3	133	63	3	133	3	15	2	2
5	5	160	73	5	160	5	8	2	2
<b>Tổng</b>	<b>20</b>	<b>687</b>	<b>313</b>	<b>20</b>	<b>687</b>	<b>20</b>	<b>127</b>	<b>5</b>	<b>5</b>

### 18.2. Chất lượng giáo dục:

1.Đánh giá kết quả học tập các môn học đối với lớp 1,2,3 theo TT27/2020):

TT	Môn học	TS HS được đánh giá	Hoàn thành Tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
	<b>Khối 1</b>							
1	Tiếng Việt	120	66	55,0	48	40,0	6	5,0
2	Toán	120	70	58,3	46	38,3	4	3,3
3	Đạo đức	120	76	63,3	43	35,8	1	0,8
4	Tự nhiên và Xã hội	120	74	61,7	45	37,5	1	0,8
5	Âm nhạc	120	51	42,5	69	57,5	0	0,0
6	Mĩ thuật	120	47	39,2	73	59,3	0	0,0
7	GDTC	120	57	47,5	63	52,5	0	0,0
8	HĐTN	120	72	60,0	47	39,2	1	0,8
	<b>Khối 2</b>						0	
1	Tiếng Việt	135	67	49,6	68	50,4	0	0,0
2	Toán	135	89	65,9	46	34,1	0	0,0
3	Đạo đức	135	86	63,7	49	36,3	0	0,0
4	Tự nhiên và Xã hội	135	67	49,6	68	50,4	0	0,0
5	Âm nhạc	135	57	42,2	78	57,8	0	0,0
6	Mĩ thuật	135	49	36,3	86	63,7	0	0,0
7	GDTC	135	54	40,0	81	60,0	0	0,0
8	HĐTN	135	75	55,6	60	44,4	0	0,0
	<b>Khối 3</b>						0	
1	Tiếng Việt	139	85	61,2	53	38,1	1	0,7
2	Toán	139	88	63,3	50	36,0	1	0,7
3	Đạo đức	139	89	64,0	50	36,0	0	0,0
4	Tự nhiên và Xã hội	139	72	51,8	67	48,2	0	0,0
5	Âm nhạc	139	57	41,0	82	59,0	0	0,0
6	Mĩ thuật	139	59	42,4	80	57,6	0	0,0
7	GDTC	139	65	46,8	74	53,2	0	0,0
8	HĐTN	139	67	48,2	72	51,8	0	0,0
9	Công nghệ	139	70	50,4	69	49,6	0	0,0
10	Tin học	139	65	46,8	74	53,2	0	0,0
11	Tiếng Anh	139	50	36,0	88	63,3	1	0,7

### 18.3. Đánh giá về phẩm chất năng lực

#### a. Những phẩm chất chủ yếu

Nội dung phẩm chất	TS HS được đánh giá	Xếp loại					
		Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
	SL	%	SL	%	SL	%	
<b>Khối 1</b>	<b>120</b>						
Yêu nước	120	89	74,2	29	24,2	2	1,7
Nhân ái	120	87	72,5	31	25,8	2	1,7
Chăm chỉ	120	74	61,7	44	36,7	2	1,7
Trung thực	120	78	65,0	40	33,3	2	1,7

Trách nhiệm	120	75	62,5	43	35,8	2	1,7
<b>Khối 2</b>	<b>135</b>						
Yêu nước	135	89	65,9	46	34,1		0,0
Nhân ái	135	89	65,9	46	34,1		0,0
Chăm chỉ	135	89	65,9	46	34,1		0,0
Trung thực	135	89	65,9	46	34,1		0,0
Trách nhiệm	135	89	65,9	46	34,1		0,0
<b>Khối 3</b>	<b>139</b>						
Yêu nước	139	80	57,6	58	41,7	1	0,7
Nhân ái	139	82	59,0	56	40,3	1	0,7
Chăm chỉ	139	77	55,4	61	43,9	1	0,7
Trung thực	139	81	58,3	57	41,0	1	0,7
Trách nhiệm	139	75	54,0	63	45,3	1	0,7

**b. Những năng lực cốt lõi:**

**\* Những năng lực chung**

Nội dung năng lực	TS HS được đánh giá	Xếp loại					
		Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	%	SL	%	SL	%
<b>Khối 1</b>	<b>120</b>						
Tự chủ và tự học	120	69	57,5	49	40,8	2	1,7
Giao tiếp và hợp tác	120	71	59,2	47	40,8	2	1,7
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	120	72	60,0	46	40,0	2	1,7
<b>Khối 2</b>	<b>135</b>						
Tự chủ và tự học	135	69	51,1	66	48,9	0	0,0
Giao tiếp và hợp tác	135	70	51,9	65	48,1	0	0,0
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	135	70	51,9	65	48,1	0	0,0
<b>Khối 3</b>	<b>139</b>						
Tự chủ và tự học	139	82	59,0	56	41,0	1	0,7
Giao tiếp và hợp tác	139	81	58,3	57	41,7	1	0,7
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	139	82	59,0	56	41,0	1	0,7

**\* Những năng lực đặc thù**

Nội dung năng lực	TS HS được đánh giá	Xếp loại					
		Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	%	SL	%	SL	%
<b>Khối 1</b>	<b>120</b>						
Ngôn ngữ	120	71	59,2	48	40,0	1	0,8
Tính toán	120	75	62,5	44	36,7	1	0,8
Khoa học	120	71	59,2	48	40,0	1	0,8
Thẩm mỹ	120	70	58,3	49	40,8	1	0,8
Thể chất	120	78	65,0	41	34,2	1	0,8
<b>Khối 2</b>	<b>135</b>						
Ngôn ngữ	135	66	48,9	69	51,1	0	0,0
Tính toán	135	70	51,9	65	48,1	0	0,0
Khoa học	135	70	51,9	65	48,1	0	0,0
Thẩm mỹ	135	76	56,3	59	43,7	0	0,0
Thể chất	135	83	61,5	52	38,5	0	0,0

<b>Khối 3</b>	<b>139</b>						
Ngôn ngữ	139	79	56,8	59	42,4	1	0,7
Tính toán	139	74	53,2	64	46,0	1	0,7
Khoa học	139	77	55,4	61	43,9	1	0,7
Thảm mĩ	139	79	56,8	59	42,4	1	0,7
Thể chất	139	78	56,1	60	43,2	1	0,7

**c. Đánh giá Năng lực, phẩm chất cuối năm đối với khối 4,5:**

TSHS các khối	Nội dung		Tốt		Đạt		CCG	
			SL	%	SL	%	SL	%
Khối 4 (133)	Năng lực	Tự phục vụ, tự quản	85	63,9	46	36,1	2	1,5
		Hợp tác	85	63,9	46	36,1	2	1,5
		Tự học, GQVĐ	85	63,9	43	36,1	5	3,8
	Phẩm chất	Chăm học, chăm làm	85	63,9	46	36,1	2	1,5
		Tự tin, trách nhiệm	85	63,9	46	36,1	2	1,5
		Trung thực kỉ luật	85	63,9	46	36,1	2	1,5
		Đoàn kết, yêu thương	85	63,9	48	36,1	0	0,0
Khối 5 (160)	Năng lực	Tự phục vụ, tự quản	113	70,6	47	29,4	0	0,0
		Hợp tác	105	65,6	55	34,4	0	0,0
		Tự học, GQVĐ	93	58,1	67	41,9	0	0,0
	Phẩm chất	Chăm học, chăm làm	98	61,3	62	38,8	0	0,0
		Tự tin, trách nhiệm	113	70,6	47	29,4	0	0,0
		Trung thực kỉ luật	126	78,8	34	21,3	0	0,0
		Đoàn kết, yêu thương	129	80,6	31	19,4	0	0,0

**d. Các môn đánh giá bằng điểm số**

Khối	Môn	TS HS	Hoàn thành tốt				Hoàn thành								Chưa hoàn thành	
			Điểm 10		Điểm 9		Điểm 8		Điểm 7		Điểm 6		Điểm 5		SL	%
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Toán	120	13	11	57	48	26	22	7	5,8	8	6,7	5	4	4	3,3
	T. Việt		10	8,3	56	47	21	18	17	14	5	4,2	5	9	6	5,0
2	Toán	135	35	26	59	44	21	16	8	5,9	7	5,2	5	4	0	0,0
	T. Việt		15	11	51	37	36	27	17	13	7	5,2	9	8	0	0,0
3	Toán	139	29	21	60	43	22	16	12	8,6	13	9,4	2	1	1	0,8
	T. Việt		32	23	53	38	28	20	16	12	7	5	2	1	1	0,8
	TNCN(Tin học)		8	5,8	57	41	38	27	26	19	10	7,2	0	0	0	0,0
	TNCN(CN)		13	9,4	62	45	32	23	26	19	6	4,3	0	0	0	0,0
	T. Anh		18	13	32	23	36	26	23	17	19	14	10	7	1	0,8
4	Toán	133	10	7,5	54	45	23	17	11	8,3	20	15	6	6,9	9	7,5
	T. Việt		2	1,5	37	28	31	23	20	15	26	20	15	12,8	2	1,7
	Khoa		6	4,5	37	28	50	38	24	18	11	8,3	3	3,8	2	1,7
	Sử, địa		4	3	37	28	38	29	26	20	14	11	11	10,5	3	2,5
	T. Anh		16	12	33	25	20	15	17	13	25	19	21	16,5	1	0,8
5	Toán	160	24	15	39	24	33	21	31	19	21	13	8	7,5	4	3,3
	T. Việt		1	0,6	58	36	46	29	39	24	11	6,9	5	3,1	0	0,0
	Khoa		17	11	71	44	33	21	22	14	11	6,9	5	3,8	1	0,8
	Sử, địa		10	6,3	62	39	29	18	23	14	18	11	17	11,3	1	0,8
	T. Anh		22	14	44	28	19	12	29	18	19	12	26	16,9	1	0,8

**d.Các môn đánh giá bằng nhận xét:**

Khối lớp	Đánh giá bằng nhận xét	Tổng số HS	Đạo đức		Khoa học		Âm nhạc		Mỹ thuật		Kỹ thuật		Thể dục	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
4	Hoàn thành tốt	133	90	67,7	57	42,9	58	43,6	53	39,8	81	60,9	63	47,4
	Hoàn thành		43	32,3	74	55,6	75	56,4	80	60,2	52	39,1	70	52,6
	Chưa hoàn thành		0	0,0	2	1,5	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0
5	Hoàn thành tốt	160	108	67,5	88	55,0	66	41,3	65	40,6	108	67,5	69	43,1
	Hoàn thành		52	32,5	71	44,4	94	58,8	95	59,4	52	32,5	91	56,9
	Chưa hoàn thành		0	0,0	1	0,6	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0

**18.4. Kết quả học sinh phát âm đúng, sai 2 phụ âm l/n cuối năm học 2022-2023:**

Khối lớp	TS lớp	Tổng số hs	Số hs phát âm đúng	Tỷ lệ	Số hs phát âm sai	Tỷ lệ	Số hs viết đúng	Tỷ lệ	Số hs viết sai	Tỷ lệ	Ghi chú
1	4	120	100	83,3	20	16,7	100	83,3	20	16,7	
2	4	135	110	81,5	25	18,5	110	81,5	25	18,5	
3	4	139	120	86,3	19	13,7	120	86,3	19	13,7	
4	3	133	115	86,5	18	13,5	115	86,5	18	13,5	
5	5	160	135	84,4	25	15,6	135	84,4	25	15,6	
<b>Cộng</b>	<b>20</b>	<b>687</b>	<b>580</b>	<b>84,4</b>	<b>107</b>	<b>15,6</b>	<b>580</b>	<b>84,4</b>	<b>107</b>	<b>15,6</b>	

**18.5. Bồi dưỡng học sinh nổi trội**

Danh hiệu Học sinh	Khối										Tổng cộng	
	Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5		SL	%
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
<b>Tổng số hs</b>	<b>120</b>		<b>135</b>		<b>139</b>		<b>133</b>		<b>160</b>		<b>687</b>	
Vì học sinh Thanh Oai giỏi Tiếng Anh cấp huyện					6	4,3	10	7,5	9	5,6	25	3,6
Vì học sinh Thanh Oai giỏi Tiếng Anh cấp trường					14	10,1	16	12,0	19	11,9	49	7,1
Đầu trường Toán học cấp trường	27	22,5	24	17,8	21	15,1	9	6,8	24	15,0	105	15,3
Giao lưu chữ đẹp lớp 1,2,3 cấp trường	25	20,8	22	16,3	18	12,9					65	16,3

**19. Đánh giá chung****19.1. Những ưu điểm và thành tích**

Trong học kỳ I năm học 2022 - 2023, với tinh thần đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, với sự cố gắng nỗ lực của nhà trường, các nhiệm vụ trọng tâm năm học đã được triển khai đồng bộ và đạt kết quả ban đầu như đã nêu ở trên.

**19.2. Những hạn chế và tồn tại**

Công tác tham gia BHYT còn chậm ( còn 5 em chưa tham gia): 1D: 1; 2D: 2; 5E: 2

Số hs đạt vào vòng cấp huyện của khối 4 còn thấp. Chữ viết của học sinh tham gia dự thi cấp trường có nhiều bài chữ chưa đúng mẫu.

Kết quả kiểm tra cuối học kỳ I vẫn còn học sinh đạt điểm dưới 5, nhiều nhất là khối 4:

<b>Môn/ Khối</b>	<b>Toán</b>		<b>Tiếng Việt</b>		<b>Tiếng Anh</b>	
	<b>Số lượng</b>	<b>Tỉ lệ</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỉ lệ</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỉ lệ</b>
Khối 1	4	3,3	6	5,0	0	0
Khối 2	0	0	0	0	0	0
Khối 3	1	0,8	1	0,8	1	0,8
Khối 4	9	7,5	2	1,7	1	0,8
Khối 5	4	3,3	0	0	1	0,8
<b>Tổng</b>	<b>18</b>	<b>2,6</b>	<b>9</b>	<b>1,3</b>	<b>3</b>	<b>0,4</b>

### **3. Nguyên nhân**

Do nhận thức của một số CMHS về công tác bảo hiểm y tế còn hạn chế, một phần chưa hiểu hết ý nghĩa nhân văn của công tác bảo hiểm, một phần chưa tin tưởng công tác chăm sóc người tham gia bảo hiểm của cơ quan bảo hiểm.

Do nhận thức của học sinh còn hạn chế, có 1 số học sinh đã ở lại lớp nhiều năm nhưng không tiếp thu được để hoà nhập. Học sinh chưa được quan tâm luyện chữ đẹp theo mẫu chữ viết.

Một số gia đình học sinh bố mẹ đi làm ăn xa, con ở với ông bà, không có thời gian kèm cặp con.

### **4. Giải pháp**

Nhà trường và GVCN cùng đại diện CMHS tuyên truyền vận động để 5 gia đình tham gia BHYT cho con. Giáo viên chủ nhiệm tích cực thiết kế các bài dạy sinh động thu hút sự hứng thú học tập của học sinh. Sau mỗi buổi dạy giáo viên ra bài tập để học sinh tự luyện. Tăng cường công tác kiểm tra, chấm chữa, nhận xét, giúp đỡ học sinh tiến bộ.

Giáo viên chủ nhiệm liên lạc phối hợp chặt chẽ với PHHS để cùng dành thời gian giúp đỡ con học ở nhà.

GVCN nói chung và khối 4 nói riêng cần tập trung ôn luyện cho học sinh kiến thức cơ bản và sưu tầm đề ôn luyện cho học thi đầu trường toán học. GVCN quan tâm rèn học sinh theo mẫu chữ viết đẹp.

## **C. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM HỌC KỲ II NĂM HỌC 2021 - 2022**

### **I. Phương hướng nhiệm vụ chung**

Nhà trường tiếp tục thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch nhiệm vụ năm học đã đề ra.

### **II. Các nhiệm vụ công tác cụ thể**

#### **1. Hoạt động chuyên môn**

Công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm định chất lượng giáo dục: Thực hiện tốt công tác kiểm tra nội bộ trường học về kiểm tra chuyên môn và quản lý chất lượng giáo dục, tăng cường trật tự, kỷ cương nề nếp trong trường.

Tiếp tục đẩy mạnh đổi mới sinh hoạt CM, đổi mới PPDH và KTĐG theo định hướng phát triển năng lực phẩm chất HS, tăng cường vận dụng, thực hành và hoạt động trải nghiệm; thực hiện có hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra; đổi mới công tác thi và kiểm tra theo yêu cầu thực chất trong đánh giá.

Tổ chức các kỳ thi.

- Thi viết chữ đẹp cấp huyện.
- Thi đấu trường toán học cấp huyện.
- Giao lưu học sinh lớp 4; 5 cấp huyện.

Thực hiện nghiêm túc TT 22/2016; TT 27/2020 về Hướng dẫn đánh giá HS. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, coi trọng giáo dục nhân cách đạo đức, lối sống cho học sinh. Tiếp tục triển khai hiệu quả việc dạy Bộ tài liệu “Giáo dục nếp sống văn minh - thanh lịch” và Bộ tài liệu “Trải nghiệm sáng tạo” cho HS.

Chuẩn bị tốt các điều kiện cần thiết để kết thúc năm học và tổ chức các kì thi, xét kết quả GD cuối năm cho HS, Xét học sinh HTCTTH, xét khen thưởng cuối năm học, đầu tư và phát huy hoạt động hiệu quả của công tác thư viện. Quản lý, sử dụng tốt TBDH, khuyến khích tự làm ĐDDH; động viên CBGV, NV viết và phổ biến SKKN.

## **2. Các hoạt động giáo dục khác**

Xây dựng kế hoạch đón Tết an toàn, vui vẻ, tiết kiệm, đảm bảo chế độ chính sách cho GV và HS, đặc biệt quan tâm đến công tác phòng chống dịch, bảo đảm an ninh trật tự, an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng chống cháy nổ, chống đột pháo... trong dịp Tết Quý Mão.

Đẩy mạnh phong trào Xây dựng nhà trường thân thiện, HS tích cực. Chỉ đạo tổ chức tốt các ngày kỉ niệm lớn, các phong trào thi đua. Thực hiện hiệu quả các cuộc vận động "Dân chủ - Kỷ cương - Tình thương - Trách nhiệm", “ Nhà giáo Hà Nội đỡ đầu HS khó khăn”, xây dựng "Nhà trường văn hoá - Nhà giáo mẫu mực - Học sinh thanh lịch". Tiếp tục thực hiện Quy chế dân chủ, đưa hoạt động này trở thành thường xuyên.

Thực hiện XHH giáo dục. Tuyệt đối chấp hành các quy định về thu chi tài chính. Tiếp tục vận động cha mẹ học sinh tham gia đóng BHYT để đảm bảo bằng được chỉ tiêu trên giao.

Về công tác thi đua khen thưởng: Tiếp tục đổi mới công tác thi đua thiết thực, hiệu quả, công bằng, khách quan nhằm tích cực động viên thúc đẩy phong trào để bình xét thi đua cuối năm học thật chính xác.

## **D. NHỮNG ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

Đề nghị các cấp có thẩm quyền, sớm tuyển dụng để bổ sung đủ chỉ tiêu giáo viên cơ bản và giáo viên làm Tổng phụ trách Đội để nhà trường có đủ nhân sự.

Đề nghị PGDĐT Thanh Oai quan tâm đầu tư thiết bị để trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2 năm 2023.

Đề nghị UBND huyện Thanh Oai chỉ đạo cho xây dựng theo dự án nhà lớp học 2 tầng ở khu A Châu Mai và nhà lớp học 2 tầng, cải tạo khu B.

Trên đây là Báo cáo sơ kết học kỳ I và nhiệm vụ học kỳ II năm học 2022-2023, rất mong được sự quan tâm của PGD Thanh oai, sự quan tâm của Đảng ủy, HĐND, UBND xã Liên Châu, sự nỗ lực cố gắng của các Đ/c cán bộ, giáo viên, nhân viên trong Hội đồng sư phạm nhà trường để nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học 2022 – 2023.

**HIỆU TRƯỞNG**

*Nơi nhận:*

- PGD GDĐT( để báo cáo)
- UBND xã( để báo cáo)
- Lưu hồ sơ, Minh( 01).

**Hoàng Thị Minh**